TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14-12-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa anh Tống Sỹ T và chị Nguyễn Thị D

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ , TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Hiển;

2. Ông Đoàn Minh Hải.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXX - ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Tống Sỹ T**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn H, xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1988

ĐKHKTT: Thôn H, xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ: Thôn L, xã Tr, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;

3. Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị D:

Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1960

Bà **Phạm Thị M**, sinh năm 1962;

Đều có địa chỉ cư trú: Thôn L, xã Tr, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (Là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị D).

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị D:

Bà Trần Thị L, sinh năm 1987

Là Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình (Có mặt).

(Anh T, chị D, ông D, bà M đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 8 năm 2023; Bản tự khai đề ngày 11 tháng 10 năm 2023; Biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Tống Sỹ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị D được tự do tìm hiểu, kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Vũ Hội vào ngày 16 tháng 10 năm 2012. Sau khi kết hôn, anh và chị D chung sống cùng gia đình anh tại thôn H, xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư. Quá trình chung sống anh và chị D hạnh phúc được khoảng một năm thì chị D bị mắc bệnh tâm thần phân liệt. Chị D đã nhiều lần bỏ về nhà nhà bố mẹ đẻ chị D ở thôn L, xã Trung An, huyện Vũ Thư sống. Sau đó, anh có đến nhà bố mẹ đẻ chị D để tìm chị D về tiếp tục chung sống. Tuy nhiên anh và chị D cũng chỉ chung sống được một thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn. Đến cuối năm 2014, anh và chị D mâu thuẫn căng thẳng nên chị D đã bế con Tống An Ph bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ chị D và ly thân với anh từ đó đến nay. Khi chị D có biểu hiện bệnh tâm thần nặng hơn thì anh đã đưa con Ph về xã V sống với anh. Hiện tại sức khỏe của chị D yếu, chân tay teo, người gầy, tinh thần ủ rũ, buồn rầu, trầm cảm. Tuy nhiên trong cuộc sống hàng ngày, chị D vẫn giao tiếp, nói chuyện được nhưng chị D ít nói, ít chuyện trò với mọi người. Nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị D không còn, anh và chị D đã sống ly thân thời gian dài, hôn nhân không có khả năng đoàn tụ nên anh xin ly hôn chị D, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh và chị D theo quy định pháp luật.

Về con chung: Anh và chị D có một con chung là cháu Tống An Ph, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2012. Hiện tại con Ph đang ở với anh. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án tiếp tục giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, vì thực tế chị D không có khả năng và điều kiện nuôi con. Do sức khỏe và tình trạng bệnh tật của chị D không thể lao động được nên anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị D không có tài sản chung, không có nợ chung, cũng không có tài sản gì cho ai vay nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tình trạng sức khỏe, bệnh tật của chị D, anh không đề nghị Tòa án đưa chị D đi giám định tâm thần, không đề nghị Tòa án tuyên bố chị D bị hạn chế về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi; hiện tại dù bị mắc bệnh tâm thần nhưng chị D vẫn ăn uống, sinh hoạt và giao tiếp bình thường.

2. Tại Biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 18 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị D ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T được tự do tìm hiểu, kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào năm 2012. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình anh T tại thôn H, xã V, huyện Vũ Thư. Quá trình chung sống anh chị không có hạnh phúc do mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu, anh T lại không có lập trường. Thời gian đầu chị D đi làm công nhân công ty may ở thành phố Thái Bình, đi làm về đã mệt mỏi lại bị mẹ chồng nhiếc móc, chửi bới; từ đó chị D sinh ra nghĩ ngợi, buồn rầu, trầm cảm. Chị D đã nhiều lần bỏ về nhà ông bà ở vì quá căng thẳng đầu óc, cuộc sống vợ chồng với anh T ngột ngạt, không tiếp tục chung sống được. Sau đó, anh T có đến nhà ông bà để tìm chị D về tiếp tục chung sống. Tuy nhiên anh chị cũng chỉ chung sống được một thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn. Đến cuối năm 2014, anh chị mâu thuẫn căng thẳng nên chị D đã bế con Tống An Ph bỏ về sống cùng với vợ chồng ông bà và ly thân với anh T từ đó đến nay. Đến năm 2016 thì anh T tự ý đến nhà ông bà bế cháu Ph về Vũ Hội ở với anh T, do đó chị D bị trầm cảm, nghĩ ngợi quá nhiều. Một lần trong lúc đang phơi quần áo chị bị tai nạn ngã rơi từ trên tầng 02 xuống

sân, phải điều trị tại Bệnh viện Việt Đức – Hà Nội, Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình, Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Thái Bình trong thời gian 04 tháng liên tục. Sau khi ra viện, về nhà ông bà thì chị D có biểu hiện bệnh tâm thần do quá nhớ con, nghĩ ngợi quá nhiều và không đi làm công ty được nữa. Hàng năm gia đình ông bà phải đưa chị D đi điều trị bệnh tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình từ 01 – 02 lần, mỗi lần điều trị khoảng một tháng. Ngoài ra, hàng ngày chị D ở nhà vẫn phải sử dụng thuốc do Bệnh viện tâm thần phát theo đơn. Hiện tại sức khỏe của chị D yếu, chân tay teo, người gầy, tinh thần ủ rũ, buồn rầu, trầm cảm. Tuy nhiên trong cuộc sống hàng ngày, chị D vẫn giao tiếp, nói chuyện được với ông bà bình thường. Nhưng chị D ít nói, ít chuyện trò do tâm lý, tinh thần vẫn bị trầm cảm và nhớ con. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, anh T không còn sự quan tâm, liên lạc với chị D. Duy nhất chỉ có thời gian chị D nằm điều trị tại Bệnh viện Việt Đức thì anh T có đến thăm và cho tiền chị D 03 triệu đồng để bồi dưỡng. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị D thì ông bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị theo quy định pháp luật vì anh chị đã sống ly thân thời gian dài, không còn tình cảm và hôn nhân không có khả năng đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Tống An Ph, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2012. Hiện tại con Ph đang ở với anh T. Nếu anh chị ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án tiếp tục giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, vì thực tế chị D không có khả năng và điều kiện nuôi con. Do sức khỏe và tình trạng bệnh tật của chị D như vậy nên ông bà đề nghị Tòa án không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị D.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, anh chị cũng không có nợ gì ông bà nên ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tình trạng sức khỏe, bệnh tật của chị D thì ông bà là bố mẹ đẻ của chị D sẽ vẫn tiếp tục chăm sóc, quan tâm và chữa trị bệnh cho chị D. Ông bà không đề nghị Tòa án đưa chị D đi giám định tâm thần, không đề nghị Tòa án tuyên bố chị D bị hạn chế về năng lực, nhận thức; vì quá trình chung sống với ông bà, chị D vẫn ăn uống, sinh hoạt và giao tiếp bình thường, chỉ là chị D quá trầm cảm vì nhớ nhung con Phúc.

3. Biên bản xác minh ngày 27 tháng 10 năm 2023 tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình thể hiện:

Chị Nguyễn Thị D là bệnh nhân có quá trình điều trị bệnh nội trú thường xuyên, liên tục tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình từ năm 2016 đến nay. Lần đầu tiên bệnh nhân D khám và điều trị nội trú tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình từ ngày 15/8/2016 đến ngày 08/9/2016. Lần bệnh nhân D nhập viện và điều trị nội trú gần nhất là từ ngày 21/9/2023 đến ngày 09/10/2023. Bệnh nhân D được chuẩn đoán mắc bệnh tâm thần phân liệt thuộc nhóm bệnh loạn thần nặng, cần phải điều trị lâu dài. Bệnh nhân bị bệnh này thường giảm hoặc mất nhận thức và năng lực điều khiển hành vi. Vì vậy bênh viện cung cấp thông tin để Tòa án làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

4. Biên bản xác minh ngày 15 tháng 11 năm 2023 tại UBND xã Tr, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Chị D trước đây là công dân của xã Tr. Sau khi kết hôn với anh T, chị D chuyển khẩu đến xã V sinh sống cùng gia đình anh T. Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị D và anh T thì địa phương không nắm được. Địa phương chỉ biết từ cuối năm 2014, chị D về sống cùng với bố mẹ đẻ chị D là ông D và bà M tại địa phương thôn L, xã Tr và ly thân với anh T suốt từ đó đến nay. Nay anh T khởi kiện xin ly hôn chị D thì địa phương thấy anh chị đã sống ly thân một thời gian rất lâu, hôn nhân không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung, anh chị có một con chung là Tống An Ph, trước nay cháu Ph đều sống với anh T nên trường hợp anh chị ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu Ph cho anh T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung của anh chị, địa phương không nắm bắt được nên không có đề nghị gì.

Về tình hình sức khỏe, bệnh tật của chị D, địa phương cũng biết chị D bị bệnh tâm thần từ năm 2016 và phải liên tục điều trị tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình từ đó đến nay. Qua tiếp xúc thì thấy chị D ít nói, ít giao tiếp với mọi người. Về việc có đưa chị D đi giám định tâm thần hay không thì địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của gia đình chị D để giải quyết.

5. Biên bản xác minh ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại UBND xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vũ Hội vào ngày 16/10/2012. Tại thời điểm kết hôn, chị D đã bị mắc chứng rối loạn tiền đình, hay mất ngủ; tuy nhiên thời điểm này khi chị D đi khám tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình thì không phải điều trị, bác sỹ chỉ định chỉ nghỉ ngơi và bồi dưỡng cơ thể. Sau đó sức khỏe của chị D hoàn toàn bình thường. Sau khi kết hôn, anh T và chị D chung sống cùng gia đình anh T tại thôn H, xã V. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến cuối năm 2014, do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị D đã về nhà bố mẹ đẻ chị D ở thôn L, xã Tr sống và ly thân với anh T. Nay anh Tcó đơn xin ly hôn chị D, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của đương sự và quy định của pháp luật để giải quyết. Thực tế anh chị đã sống ly thân rất lâu, hôn nhân không có khả năng hàn gắn.

Về con chung, anh chị có một con chung là Tống An Ph, sinh ngày 19/9/2012, từ trước đến nay cháu Ph đều ở với anh T, do anh T nuôi dưỡng. Trường hợp anh chị ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án tiếp tục giao cháu Ph cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T làm nghề cơ khí tại địa phương, thu nhập khoảng 05 – 06 triệu đồng/tháng nên anh T đảm bảo đủ điều kiện tốt để nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung của anh chị địa phương không có đề nghị gì.

Về tình trạng sức khỏe, bệnh tật của chị D: Địa phương được biết chị D bị mắc bệnh tâm thần từ năm 2016 đến nay. Chị D là đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại địa phương, dạng khuyết tật là thần kinh – tâm thần, mức độ nặng. Địa phương không đề nghị Tòa án đưa chị D đi giám định tâm thần hay đề nghị gì khác. Hiện tại chị D vẫn được theo dõi khám và điều trị ổn định tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình.

* ***Tại phiên tòa Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T sống ly thân đã lâu; chị D bị mắc bệnh tâm thần, tinh thần không tỉnh táo; anh T có đơn xin ly hôn chị D; ông D

và bà M là bố mẹ đẻ chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Vì vậy đề nghị HĐXX căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 238 BLTTDS; Điều 51, Điều 55 Luật Hôn ngân và gia đình, chấp nhận cho anh T và chị D được ly hôn.

Về con chung: Đề nghị HĐXX chấp nhận nguyện vọng xin nuôi con của anh T, giao con chung của anh chị cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Vũ Thư phát biểu quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

Xử cho anh Tống Sỹ T được ly hôn chị Nguyễn Thị D;

Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Tống Sỹ T trực tiếp nuôi dưỡng con Tống An Ph, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2012. Anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con Ph.

Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Tống Sỹ T khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Nguyễn Thị D có đăng ký thường trú tại thôn H, xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35;

điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

[1.2] Anh Tống Sỹ T, người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị D là ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị M đều có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2.Về nội dung:

[**2.1**] **Quan hệ hôn nhân**: Anh Tống Sỹ T và chị Nguyễn Thị D đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 16 tháng 10 năm 2012 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn lại phát sinh mâu thuẫn. Đến cuối năm 2014, do mâu thuẫn căng thẳng, chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị D ở xã Tr, huyện Vũ Thư và sống ly thân với anh T suốt từ đó đến nay. Anh T xác định tình cảm giữa anh và chị D không còn, anh chị đã sống ly thân một thời gian dài, hôn nhân không có khả năng đoàn tụ nên anh xin ly hôn chị D. Bản thân chị D bị mắc bệnh tâm thần phân liệt thể paranoid (F20.0) từ năm 2016 đến nay, hàng năm vẫn phải đi điều trị theo đợt tại bệnh viện và hàng ngày vẫn phải sử dụng thuốc. Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của anh T và chị D đã không còn tồn tại trên thực tế, hôn nhân không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho anh Tống Sỹ T được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

[2.2] Về con chung: Chị D là đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại địa phương, dạng khuyết tật là thần kinh – tâm thần, không có khả năng lao động nên hiện tại chị D không có đủ điều kiện để nuôi con theo quy định. Con Ph hiện đang ở với anh T; anh T có nguyện vọng được nuôi con Ph, con Ph cũng có nguyện vọng mong muốn được ở với bố. Qua xác minh tại địa phương, UBND xã V cung cấp mức thu nhập trung bình hiện nay của anh T khoảng từ 5-6 triệu đồng/tháng. Vì vậy, cần giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tống An Ph là phù hợp. Do anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận việc anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con Ph.

[**2.3**] **Về tài sản**: Anh Tống Sỹ T, người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị D là ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị M không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[**2.4**] **Về án phí**: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử anh Tống Sỹ T được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

2. **Về quan hệ con chung:** Xử giao cho anh Tống Sỹ T trực tiếp nuôi dưỡng con Tống An Ph, sinh ngày 19 tháng 9 năm 2012. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Thị D.

Chị D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Anh T và chị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3.**Về quan hệ tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Tống Sỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai số 0001980 ngày 11 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Tống Sỹ T và người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị D là ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thị Xuân Huyền